

# BẢO ĐẢM QUYỀN BIỂU TÌNH CỦA CÔNG DÂN THEO TINH THẦN HIẾN PHÁP NĂM 2013

• Phan Khuyên\*

**Tóm tắt:** Quyền biểu tình là một quyền quan trọng của con người, được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Trong xu thế mở rộng dân chủ, ngày càng có nhiều quốc gia công nhận quyền biểu tình, nước ta cũng chính thức hiến định quyền này. Tuy nhiên, nhiều vấn đề đặt ra cần phải cụ thể hoá để có thể thực hiện quyền hiến định này. Bài viết trên cơ sở khái quát về quyền biểu tình trong pháp luật của các quốc gia trên thế giới và quy định của Hiến pháp năm 2013, đề xuất một số kiến nghị để đảm bảo quyền biểu tình của công dân.

**Từ khóa:** Biểu tình; quyền biểu tình; công dân.

**Abstract:** The right to protest is an important human right, enshrined in the Constitution and laws in many countries around the world, including Vietnam. In the trend of democratic expansion, more and more countries have recognized the right to protest, and our country has also officially constitutionalized this right. However, there are many issues that need to be concretized for this constitutional right to be exercised in practice. The article, on the basis of an overview of the right to protest under the laws of countries in the world and the provisions of the 2013 Constitution, proposes a number of recommendations to ensure the right to protest of citizens.

**Keywords:** Protest; the right to protest; citizen.

Ngày nhận: 02/12/2021 Ngày phản biện, đánh giá: 15/12/2021 Ngày duyệt: 05/01/2022

## 1. Khái niệm, đặc điểm của “biểu tình” và “quyền biểu tình”

Biểu tình là một vấn đề còn khá mới trong các nghiên cứu về chính trị, hành chính, quản lý ở Việt Nam vì nhiều ý kiến cho rằng đây là vấn đề nhạy cảm. Tuy nhiên, quyền biểu tình là một trong những quyền cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp. Ở nước ta Hiến pháp năm 2013 quy định: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông

tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”<sup>1</sup>. Do đó, trong bối cảnh hiện nay, nhất là trong xu hướng dân chủ ngày càng được mở rộng thì việc đảm bảo các quyền cơ bản của công dân, trong đó có quyền biểu tình theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 là điều cần thiết.

Qua một số nghiên cứu của các học giả, biểu tình và quyền biểu tình “xét về nguồn gốc lịch sử biểu tình (demonstration)

(\*) Học viên cao học luật, Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Email: phdphan@gmail.com.

xuất hiện cùng trào lưu dân chủ hoá ở các nước phương Tây, trước hết là Tây Âu và Bắc Mỹ”<sup>2</sup>. Như vậy, biểu tình và quyền biểu tình đã được đề cập từ rất sớm. Tuy nhiên, chưa có một định nghĩa thống nhất về biểu tình và quyền biểu tình, các nhà nghiên cứu cũng có những quan điểm khác nhau.

Theo Từ điển Luật học, Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa “*biểu tình là hình thức đấu tranh bằng cách tụ họp đông đảo để bày tỏ ý chí nguyện vọng và biểu dương lực lượng chung của một tập thể*”<sup>3</sup>. Theo Đại Từ điển tiếng Việt, “*biểu tình là tụ họp với nhau lại hoặc diễu hành trên đường phố để biểu thị ý chí, nguyện vọng hoặc biểu dương lực lượng, thường nhằm mục đích gây sức ép gì đó: biểu tình đòi chấm dứt chiến tranh, biểu tình chống khủng bố*”<sup>4</sup>. Một định nghĩa khác của Từ điển tiếng Việt “*biểu tình là việc đấu tranh bằng cách tụ họp đông người để bày tỏ ý chí, nguyện vọng và biểu dương lực lượng chung. Ví dụ như biểu tình tuần hành, xuống đường biểu tình, biểu tình ngồi*”<sup>5</sup>. Quan điểm khác cho rằng, biểu tình là “*hành động bất bạo lực của một nhóm người, nhằm mục đích đưa đến cộng đồng một quan điểm hay một cách nhìn về một vấn đề nào đó trong xã hội*”<sup>6</sup>. Ngoài ra, có nghiên cứu cho rằng “*biểu tình là hội họp ngoài trời, ở nơi công cộng và thường kèm theo khẩu hiệu, biểu ngữ gắn với tuần hành của một số lượng người để thể hiện thái độ ủng hộ hoặc phản đối một điều gì đó*”<sup>7</sup>.

Mỗi khái niệm được đưa ra từ những nghiên cứu của các tác giả với những góc nhìn khác nhau. Nhưng nhìn chung, các

khái niệm trên đều đưa ra các đánh giá về biểu tình dựa trên các đặc trưng cơ bản nhằm phân biệt biểu tình với hoạt động tương tự khác. Hiểu rộng ra “*biểu tình là một hình thức hành động bất bạo động nhằm thể hiện mục đích, bày tỏ quan điểm ủng hộ hoặc phản đối về một vấn đề công cộng nào đấy*”<sup>8</sup>.

Mặc dù tiếp cận ở các góc độ khác nhau nhưng một cách tổng quan, các khái niệm đã khẳng định: *biểu tình là sự tập trung của một số người nhất định nhằm đưa ra quan điểm về một vấn đề nào đó đối với xã hội*. Chính vì vậy, biểu tình có những đặc điểm (i) có sự tham gia của nhiều người; (ii) thực hiện một cách ôn hoà, hợp pháp; (iii) thể hiện sự phản đối công khai hoặc ủng hộ một vấn đề nào đó; (iv) đòi hỏi quyền và lợi ích hợp pháp. Như vậy, có thể khẳng định biểu tình là sự tập hợp của nhiều người với hình thức ôn hoà để bày tỏ thái độ phản đối hay ủng hộ công khai về một vấn đề nào đó trước nhà nước, tổ chức hoặc cá nhân nhằm đòi hỏi quyền lợi cho mình, cho chủ thể khác hoặc cho xã hội.

Trong các nhóm quyền về chính trị và dân sự thì quyền biểu tình là một trong những quyền cơ bản của công dân. Quyền biểu tình là một quyền quan trọng của con người, được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam “*ngay từ khi ra đời, quyền biểu tình không phải là một quyền riêng biệt mà nằm trong khái niệm quyền tự do hội họp (freedom of assembly, liberté de réunion) và là hình thức cao nhất của quyền tự do hội họp*”<sup>9</sup>. Là nội hàm của

quyền hội họp hòa bình, quyền biểu tình luôn đi kèm với hình thức “phi vũ trang”. Đồng thời, cần phải phân biệt rằng, biểu tình là một hình thức của tự do hội họp nhưng không phải là hội họp một cách ngẫu nhiên mà nó đòi hỏi phải có một quá trình chuẩn bị cẩn thận, chu đáo. Giữa những người đi biểu tình phải có tối thiểu một mối liên hệ chung, đó là mục đích của biểu tình. Trên cơ sở đó, có thể thấy quyền biểu tình có những đặc trưng cơ bản sau:

*Một là*, quyền biểu tình là một quyền dân chủ quan trọng của con người. Đó là quyền mà công chúng được tự do bày tỏ quan điểm, ý kiến của mình về một vấn đề nào đó của xã hội, có thể là một vấn đề của quốc gia (chủ trương, chính sách của nhà nước) hoặc một vấn đề của quốc tế (chiến tranh, biến đổi khí hậu...).

*Hai là*, mục đích của quyền biểu tình là nhằm thực hiện quyền và lợi ích chính đáng. Biểu tình nhằm đưa ra ý kiến đồng tình hoặc phản đối về một vấn đề cụ thể mà những người biểu tình hướng tới, đây là mối liên hệ tối thiểu giữa những người biểu tình. Nếu những chủ trương, chính sách của Nhà nước phù hợp, phản ánh được mong muốn của nhân dân, đem lại lợi ích cho đông đảo mọi người thì sẽ được nhân dân ủng hộ và ngược lại sẽ bị phản đối. Tuy nhiên, đa số các cuộc biểu tình diễn ra cho thấy, nhân dân thường có quan điểm phản đối nhiều hơn là đồng tình vì biểu tình phản đối là lúc quyền lợi của họ không được đảm bảo, nhân dân tiến hành biểu tình nhằm đưa ra ý kiến của mình để nhà nước thay đổi các chủ trương, chính sách cho phù hợp.

*Ba là*, quyền biểu tình phải được thực hiện một cách ôn hòa, phi bạo lực. Không được biểu tình để xúc phạm, gây chia rẽ, bất ổn hay kích động các hành vi bạo lực, phân biệt đối xử, gây mất an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Đây được coi là điều kiện tiên quyết để quyền biểu tình được coi là một quyền hợp pháp và được nhà nước bảo đảm. Chính vì vậy, quyền biểu tình luôn đi kèm với hình thức “phi vũ trang”, “phi bạo lực”. Do đó, biểu tình phải trong hoà bình, ôn hoà.

*Bốn là*, quyền biểu tình là quyền có giới hạn, có thể bị hạn chế. Quyền biểu tình được hiểu là quyền của công dân được tự do bày tỏ quan điểm, ý kiến của mình về một vấn đề nào đó của xã hội, sự bày tỏ đó thể hiện dưới dạng ủng hộ hoặc phản đối nhằm đòi hỏi quyền lợi cho cá nhân, cho cộng đồng hoặc cho xã hội. Theo quy định của pháp luật quốc tế, cũng như các quyền con người khác, quyền biểu tình cũng có những giới hạn, cũng giống như các giới hạn của quyền hội họp hòa bình và quyền tự do ngôn luận. Vấn đề này được quy định tại Điều 29 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948 và Điều 4 Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966.

Giới hạn áp dụng là quy định cho phép các cơ quan nhà nước áp đặt một số điều kiện để hạn chế quyền biểu tình nhằm bảo vệ cộng đồng, bảo vệ xã hội, bảo vệ quốc gia.

## **2. Thực tiễn pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền biểu tình**

Trong các nhóm quyền về chính trị và dân sự thì quyền biểu tình là một trong

những quyền cơ bản của công dân, đã được các nước ghi nhận, “qua nghiên cứu pháp luật quốc tế và luật pháp các quốc gia cho thấy, nội dung của quyền biểu tình được ghi nhận với tư cách là nội hàm của hai quyền: quyền tự do hội họp và quyền tự do ngôn luận”<sup>10</sup>. Quyền biểu tình được ghi nhận trong pháp luật quốc tế lần đầu dưới dạng khái niệm tương đồng là quyền tự do hội họp. Dưới góc độ luật pháp quốc tế, Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948 khẳng định: “Mọi người đều có quyền tự do hội họp và lập hội một cách hòa bình”<sup>11</sup>. Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 đã ghi nhận một cách rõ ràng hơn về nghĩa vụ của các quốc gia tham gia Công ước là phải đảm bảo quyền tự do hội họp và thêm một bước cụ thể hơn Tuyên ngôn thế giới về quyền con người là quy định về các trường hợp nhà nước được hạn chế quyền vì những lý do hợp lý và cụ thể “Quyền hội họp hòa bình phải được công nhận, việc thực hiện quyền này không bị hạn chế, trừ trường hợp pháp luật có quy định và những hạn chế này là cần thiết trong một xã hội dân chủ, vì lợi ích an ninh quốc gia, an toàn và trật tự công cộng, để bảo vệ sức khỏe công chúng hoặc nhân cách hoặc bảo vệ quyền và tự do của người khác”<sup>12</sup>. Công ước châu Âu về quyền con người năm 1950 quy định “mỗi người đều có quyền tự do hội họp hòa bình và tự do hội họp với những người khác”<sup>13</sup>.

Mặc dù các quy định này không xác định cụ thể quyền biểu tình của cá nhân, nhưng bằng việc quy định mọi người có

quyền tự do hội họp một cách hòa bình để bày tỏ quan điểm đã hàm chứa quyền biểu tình của cá nhân. Như vậy quyền biểu tình là một quyền cơ bản, phổ biến và được thế giới công nhận. Trong khuôn khổ pháp luật quốc gia, hiến pháp nhiều quốc gia bên cạnh việc khẳng định quyền tự do hội họp, còn trực tiếp ghi nhận quyền biểu tình của công dân. Hiến pháp Mỹ là hiến pháp đầu tiên của nhân loại ghi nhận quyền biểu tình của công dân<sup>14</sup>.

Ở nước ta, ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa được thành lập, quyền biểu tình cũng đã được ghi nhận theo nội hàm của quyền tự do hội họp, “xét vì tự do hội họp là một trong những nguyên tắc của chế độ dân chủ cộng hòa, nhưng trong tình thế đặc biệt hiện thời cần phải xem xét kiểm soát những cuộc biểu tình để tránh những sự bất trắc có thể ảnh hưởng đáng tiếc đến việc nội trị hay ngoại giao”<sup>15</sup>, Ngày 13/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 31 quy định về thể thức tổ chức các cuộc biểu tình. Sắc lệnh quy định “Những cuộc biểu tình phải khai trình trước hai mươi bốn giờ với các Ủy ban nhân dân sở tại trong thời kỳ này”<sup>16</sup>. Sắc lệnh số 31 ngày 13/9/1945 được xem là văn bản pháp luật đầu tiên của nước ta thừa nhận công dân Việt Nam có quyền biểu tình, đồng thời xác định trách nhiệm của Nhà nước bảo đảm cho công dân thực hiện quyền biểu tình. Tiếp theo đó, Hiến pháp năm 1946 quy định: “Công dân Việt Nam có quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú đi lại trong nước và ra nước

ngoài”<sup>17</sup>. Hiến pháp năm 1946 mặc dù không quy định cụ thể về quyền biểu tình nhưng quyền biểu tình đã được ghi nhận và được nhìn nhận dưới góc độ nội hàm của quyền tự do hội họp. Hiến pháp năm 1959, quyền biểu tình chính thức được ghi nhận thành một quyền riêng bên cạnh quyền hội họp, lập hội “*Công dân nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà có các quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội và biểu tình. Nhà nước bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết để công dân được hưởng các quyền đó*”<sup>18</sup>. Hiến pháp năm 1980 tiếp tục quy định như Hiến pháp năm 1959 “*Công dân có các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do biểu tình, phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội và của nhân dân. Nhà nước tạo điều kiện vật chất cần thiết để công dân sử dụng các quyền đó*”<sup>19</sup>. Hiến pháp năm 1992 quy định “*Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật*”<sup>20</sup>. Kế thừa quy định của Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980, năm 1992 thì Hiến pháp năm 2013 tiếp tục ghi nhận quyền biểu tình của công dân “*Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định*”<sup>21</sup>.

Như vậy, trải qua hơn 75 năm từ khi quyền biểu tình của công dân được chính thức ghi nhận (trong Sắc lệnh số 31 ngày 13/9/1945) và hơn 65 năm từ khi quyền quyền biểu tình được ghi nhận trong Hiến

pháp năm 1959, quyền biểu tình được ghi nhận là quyền cơ bản, việc thực thi quyền biểu tình ở nước ta theo Hiến pháp năm 2013 là vấn đề cần tiếp tục thực hiện triển khai cụ thể trong thực tiễn.

Trên thực tế có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng quyền này vẫn chưa thực thi hiệu quả, trong đó có nguyên nhân chủ yếu là các quy định pháp luật để thực thi quyền biểu tình chưa đầy đủ, chưa đồng bộ. Hiện nay, ngoài Hiến pháp năm 2013 có quy định về quyền biểu tình thì chưa có văn bản pháp luật đề cập cụ thể đến vấn đề này. Một số văn bản pháp luật của Chính phủ, Bộ Công an có đề cập đến vấn đề có liên quan như Nghị định số 38/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định một số biện pháp bảo đảm trật tự công cộng; Thông tư số 09/2005/TT-BCA ngày 5/9/2005 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 38/2005/NĐ-CP. Nghị định 38/2005/NĐ-CP quy định: “*Việc tập trung đông người ở nơi công cộng phải đăng ký trước với UBND có thẩm quyền nơi diễn ra các hoạt động đó và phải thực hiện đúng nội dung đã đăng ký. Quy định này không áp dụng đối với các hoạt động do các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức*”<sup>22</sup>. Theo Nghị định này, hoạt động tập trung đông người ở nơi công cộng là những trường hợp tổ chức tập trung từ 5 người trở lên; đồng thời quy định rõ về những hành vi vi phạm khi tập trung đông người ở nơi công cộng. Thông tư 09/2005/TT-BCA giải thích rõ hơn,

*“Hoạt động tập trung đông người ở nơi công cộng theo quy định của Nghị định số 38 và hướng dẫn tại Thông tư này là những trường hợp tổ chức tập trung từ 5 người trở lên tại các khu vực, địa điểm phục vụ chung cho mọi người như vỉa hè, lòng đường, quảng trường, cơ sở kinh tế, văn hóa, nơi sinh hoạt cộng đồng; tại khu vực trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tại những nơi công cộng khác nhằm mục đích đưa ra yêu cầu hoặc kiến nghị về những vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, gia đình, tổ chức hoặc nhằm đưa ra những yêu cầu, kiến nghị về những vấn đề có liên quan chung đến đời sống chính trị - xã hội, đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.”<sup>23</sup>*

Có thể thấy các quy định của Nghị định số 38/2005/NĐ-CP và Thông tư số 09/2005/TT-BCA tuy không trực tiếp đề cập đến quyền biểu tình của công dân, nhưng các quy định về tập trung đông người ở nơi công cộng, thủ tục đăng ký tập trung đông người ở nơi công cộng, các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng... cho thấy các văn bản này điều chỉnh một số vấn đề cơ bản liên quan đến quyền biểu tình của công dân. Mặc dù vậy, trên thực tế, việc vẫn chưa có những quy định cụ thể về biểu tình và quyền biểu tình dẫn đến hoạt động này có thể dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng, kích động, chống phá. Vì vậy, việc ban hành đầy đủ các văn bản pháp luật để thể chế hoá quyền biểu tình theo tinh thần Hiến pháp 2013 là mang tính cấp thiết và phù hợp với thực tế hiện nay.

### **3. Một số kiến nghị để bảo đảm quyền biểu tình của công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013**

Trong quá trình thể chế hoá các quy định của pháp luật để đảm bảo quyền biểu tình của công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013, cần chú ý một số vấn đề sau:

*Thứ nhất, làm rõ nội hàm của quyền biểu tình*

Quyền biểu tình là một quyền quan trọng của con người, được ghi nhận trong hiến pháp và pháp luật ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, cũng như các quyền con người khác, quyền biểu tình phải được xác định rõ trong các quy định của pháp luật. Do đó, cần phải có quy định làm rõ nội hàm của quyền biểu tình là nội hàm của quyền hội họp hòa bình, quyền biểu tình luôn đi kèm với hình thức “phi vũ trang”. Đồng thời, cần phải phân biệt rằng, biểu tình là một hình thức của tự do hội họp nhưng không phải là hội họp một cách ngẫu nhiên mà nó đòi hỏi phải có một quá trình chuẩn bị cẩn thận, chu đáo. Bên cạnh đó, cũng cần khẳng định rằng quyền biểu tình sẽ bị giới hạn khi cần thiết vì lý do an ninh quốc gia, trật tự xã hội, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ quyền và tự do của người khác. Điều này nhằm đảm bảo phòng ngừa và nghiêm trị việc lợi dụng quyền biểu tình để kích động, chống phá.

*Thứ hai, xác định rõ quyền và nghĩa vụ của cơ quan nhà nước và công dân liên quan đến quyền biểu tình*

Trước hết cần có quy định làm rõ quyền và nghĩa vụ của người tổ chức và

người tham gia biểu tình. Trong đó, phải xác định rõ quyền của người biểu tình đi kèm các nghĩa vụ của người biểu tình như không được sử dụng vũ khí; không được có hành vi, lời nói gây xúc phạm, hoặc mang tính phân biệt đối xử, kích động bạo lực; không được làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cộng đồng và người khác; phải tuân thủ các hướng dẫn của người đứng đầu đoàn biểu tình hoặc của các cơ quan chức năng khi cần thiết... Đặc biệt phải xác định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của người đứng ra tổ chức biểu tình, trong đó bao gồm các trách nhiệm liên quan đến nghĩa vụ thông báo với các cơ quan chức năng các thông tin cần thiết về cuộc biểu tình, trách nhiệm giải tán cuộc biểu tình theo yêu cầu của cơ quan chức năng...

Ngoài ra, cần có những quy định chi tiết, cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trong việc đảm bảo cho hoạt động biểu tình được diễn ra an toàn và đúng quy định của pháp luật. Do đó, cần có các quy định liên quan đến trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, lực lượng công an đảm bảo an toàn cho những người tham gia biểu tình cũng như người và tài sản trong khu vực biểu tình. Đồng thời, cần có những quy định rõ những trường hợp cơ quan nhà nước, lực lượng công an có thể can thiệp khi xảy ra các hành vi gây rối, bạo lực của người tham gia biểu tình để bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội và quy định quyền của cơ quan nhà nước trong việc ra lệnh cấm tổ chức một biểu tình vì những lý do cần thiết khác.

*Thứ ba, tiếp tục nghiên cứu đưa dự thảo Luật Biểu tình vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội khoá XV để sớm ban hành Luật Biểu tình*

Quyền biểu tình là quyền hiến định quan trọng của Nhân dân được Hiến pháp quy định. Vì vậy, cần phải có Luật Biểu tình làm có cơ sở pháp lý quan trọng để Nhân dân thực hiện quyền biểu tình của mình trong khuôn khổ pháp luật và cũng là cơ sở quan trọng để Nhà nước thực hiện việc quản lý của mình. Có Luật về biểu tình nghĩa là Nhà nước có thêm một công cụ để ngăn chặn, phòng chống được việc lợi dụng tụ tập đông người để gây mất ổn định trật tự, an ninh xã hội, kích động, lôi kéo chống phá chính quyền. Từ thực tế trên cho thấy, nhu cầu hoàn thiện cơ sở pháp lý về quyền biểu tình của công dân, trong đó, trước hết là ban hành Luật Biểu tình ở nước ta đang là vấn đề cấp thiết hiện nay.

Việc ban hành Luật Biểu tình là bước đi đầu tiên cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013, bảo đảm cho công dân thực hiện quyền hiến định của mình. Luật Biểu tình sẽ bảo đảm cho người dân khi tham gia biểu tình biết giới hạn quyền của mình, được bày tỏ nguyện vọng chính đáng của mình với Nhà nước một cách hòa bình, trật tự, trong khuôn khổ của pháp luật. Mặt khác, Luật Biểu tình sẽ là công cụ, bảo đảm cho Nhà nước khả năng kiểm soát có hiệu quả hoạt động biểu tình của công dân không vượt quá giới hạn do luật định. Bên cạnh đó, Luật Biểu tình cũng sẽ giúp cho Nhà nước biết rõ hơn nguyện vọng của

người dân để kịp thời điều chỉnh chính sách, pháp luật.

Trong đề xuất chương trình ban hành luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2022, Luật Biểu tình là 01 trong 10 dự án luật, pháp lệnh được Chính phủ đề nghị tiếp tục nghiên cứu nhưng cho phép Chính phủ báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định đưa vào chương trình khi đáp ứng yêu cầu, bảo đảm phù hợp với tiến độ chuẩn bị và không cần tiếp tục thực hiện việc thống kê, báo cáo hằng năm về tình hình thực hiện. Do đó việc sớm đưa Luật Biểu tình vào Chương trình ban hành luật, pháp lệnh là cần thiết, là bước chuẩn bị quan trọng để Luật Biểu tình có thể sớm được ban hành.

*Thứ tư, hoàn thiện các quy định về chế tài hành chính, hình sự để đảm bảo phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng quyền biểu tình nhằm mục đích xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội*

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng quyền tự do hội họp để tập hợp người dân, nhất là những người có bức xúc, mâu thuẫn với chính quyền, bất mãn với chế độ... tham gia đình công, biểu tình nhằm xâm phạm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống phá Nhà nước, phá hoại sự ổn định của xã hội. Các thế lực này lợi dụng các sự kiện chính trị, xã hội phức tạp, nhạy cảm liên quan đến quyền và lợi ích của người dân, những sơ hở, thiếu sót trong thực hiện chính sách, pháp luật để tuyên truyền, xuyên tạc chính sách, pháp luật của Nhà nước; bóp

méo sự thật; lôi kéo, kích động người dân tụ tập biểu tình để chống phá.

Nhà nước Việt Nam tôn trọng và bảo đảm quyền của mọi người dân được bày tỏ quan điểm của mình một cách công khai. Đồng thời, kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn hoạt động lợi dụng quyền tự do hội họp, biểu tình gây mất ổn định an ninh trật tự, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xâm phạm quyền và lợi ích chính đáng của Nhà nước và công dân. Vì vậy, bên cạnh việc quy định về quyền và nghĩa vụ thì cần tiếp tục hoàn thiện những quy định về chế tài hành chính, hình sự để làm cơ sở pháp lý xử lý vi phạm liên quan đến quyền biểu tình. Theo đó, cần có quy định xử lý hành vi gây cản trở cho việc thực hiện quyền tự do biểu tình của người dân; và xử lý vi phạm đối với các cá nhân, tổ chức và tham gia biểu tình không theo quy định của luật. Đặc biệt, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, hình phạt để xử lý nghiêm minh các hành vi lợi dụng quyền biểu tình để kích động, chống phá gây mất an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

*Thứ năm đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quyền con người, quyền công dân*

Trong bối cảnh các thế lực thù địch thường lợi dụng các quyền tự do dân chủ và tự do cá nhân của công dân trong đó có quyền tự do ngôn luận, tự do thông tin, tự do báo chí, quyền hội họp, biểu tình để phục vụ mục đích chống phá Nhà nước, phá hoại an ninh chính trị, gây bất ổn xã hội thì đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ

biến pháp luật về quyền con người, quyền công dân là hết sức cấp thiết.

Trong đó, sự tham gia của các phương tiện thông tin đại chúng trong hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật, quyền con người, quyền công dân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc nâng cao nhận thức xã hội về quyền công dân nhất là quyền biểu tình. Để góp phần tạo ra sự nhận thức đầy đủ về quyền biểu tình, pháp luật về biểu tình, các phương tiện thông tin đại chúng cần đổi mới phương pháp thông tin; tích cực, chủ động, thông tin kịp thời, đầy đủ tất cả những vấn đề liên quan đến quyền biểu tình, pháp luật về biểu tình.

Quyền biểu tình là quyền hiến định quan trọng của công dân đã được ghi nhận. Để quyền này được đảm bảo và thực thi trên thực tế rất cần sự thể chế hoá đầy đủ của pháp luật, nhất là sớm ban hành Luật Biểu tình. Việc ban hành đầy đủ các quy định liên quan đến quyền biểu tình sẽ đảm bảo cho người dân có đầy đủ cơ sở thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc để nhà nước quản lý, nghiêm trị các hành vi lợi dụng các quyền tự do, dân chủ để xâm phạm đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. ■

#### **Tài liệu trích dẫn**

- (1) Điều 25 Hiến pháp năm 2013.
- (2),(7),(9) Chu Hồng Thanh (2016), *Luật Biểu tình CHLB Đức và các nước Châu Âu-Một số kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Luật sư Việt Nam, số 1+2 năm 2016.
- (3) Viện Hàn Lâm khoa học xã hội Việt Nam, *Từ điển Luật học*, NXB Từ điển Bách Khoa, Hà Nội 1999.

(4) Nguyễn Như Ý, *Đại Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 1999, tr.165.

(5) Viện Ngôn ngữ học (2006), *Từ điển Tiếng Việt*. trang 66, NXB Đà Nẵng.

(8) Đà Đông, *Luật Biểu tình những đòi hỏi từ thực tiễn*, Hà Nội mới, truy cập <http://hanoimoi.com.vn/ban-in/Xa-hoi/530538/luat-bieu-tinh-nhung-doi-hoi-tu-thuc-tien>, truy cập ngày 22/11/2021.

(10) Tân Long, *Cảnh giác với chiêu trò lợi dụng quyền tự do hội họp chống phá Việt Nam*, Truy cập <http://www.congdoan.vn/tin-tuc/nguyen-cuu-trao-doi-524/canh-giac-voi-chieu-tro-loi-dung-quyen-tu-do-hoi-hop-chong-pha-viet-nam-388778.tld>, truy cập ngày 22/11/2021.

(11) Khoản 1 Điều 20 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948.

(12) Điều 21 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966.

(13) Điều 11 Công ước châu Âu về quyền con người năm 1950.

(14) Tu chính án thứ nhất của Hiến pháp Mỹ có hiệu lực ngày 15/12/1791 bổ sung quyền “*tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, và kiến nghị*”.

(15) Sắc lệnh số 31 ngày 13/9/1945 quy định về thể thức tổ chức các cuộc biểu tình.

(16) Điều 1 Sắc lệnh số 31 ngày 13/9/1945 quy định về thể thức tổ chức các cuộc biểu tình.

(17) Điều 11 Hiến pháp năm 1946.

(18) Điều 25 Hiến pháp năm 1959.

(19) Điều 67 Hiến pháp năm 1980.

(20) Điều 69 Hiến pháp năm 1992.

(21) Điều 25 Hiến pháp năm 2013.

(22) Điều 7 Nghị định 38/2005/NĐ-CP.

(23) Khoản 4 Thông tư 09/2005/TT-BCA.